

# Độc *Thế giới phẳng* của Thomas L. Friedman: Suy nghĩ về đổi mới và đổi mới tư duy

Lại Văn Toàn<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Bài viết gồm hai phần chính. Phần thứ nhất phân tích quá trình làm phẳng và mười nhân tố làm phẳng thế giới, trong đó tóm lược một số nội dung chính trong cuốn “*Thế giới phẳng. Tóm lược lịch sử thế giới thế kỷ XXI*” của Thomas L. Friedman như: thế giới toàn cầu hóa ngày nay “trở nên phẳng” như thế nào do sức mạnh của công nghệ qua mười nhân tố làm phẳng; thế giới phẳng tác động ra sao đến đời sống xã hội toàn cầu; các nước, các công ty, ... phải thay đổi ra sao để tồn tại, phát triển trong thế giới toàn cầu hóa thế kỷ XXI. Phần thứ hai đề cập đến vấn đề đổi mới dưới hai hình thức là “đổi mới trên diện rộng” - hướng về xuất khẩu, mở cửa hội nhập quốc tế, và “đổi mới theo chiều sâu” - đổi mới về thể chế, nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng. Công cuộc đổi mới ở Việt Nam 40 năm nay có thể hiểu là trải qua cả hình thức đổi mới trên diện rộng và đổi mới theo chiều sâu.

**Từ khóa:** Thế giới phẳng, Toàn cầu hóa, Đổi mới, Đổi mới tư duy

**Abstract:** The article consists of two main parts. The first part analyzes the flattening process and the ten factors that flatten the world, summarizing some of the main contents in the book “*The World is Flat. A Brief History of the Twenty-first Century*” by Thomas L. Friedman such as: how the globalized world today “becomes flat” due to the power of technology through ten flattening factors; how the flat world affects global social life; how institutions from countries to companies must change to survive and develop in the globalized world of the 21<sup>st</sup> century. The second part deals with the issue of innovation in two forms: “broad-scale innovation” towards export, opening up to international integration, and “in-depth innovation” in institutions, human resources, and infrastructure. Vietnam over the past 40 years can be understood as having gone through both broad-scale and in-depth innovation.

**Keywords:** Flat World, Globalization, Innovation, Innovation in Thinking

Ngày nhận bài: 11/3/2025; Ngày duyệt đăng: 15/3/2025

## 1. Mở đầu

Năm 2005, cuốn *The World is Flat. A brief history of the Twenty-first Century*

(*Thế giới phẳng. Tóm lược lịch sử thế giới thế kỷ XXI*) của Thomas L. Friedman được xuất bản lần đầu tiên và trở thành một trong những đầu sách bán chạy nhất trong năm ở Mỹ, đã làm bùng phát cơn sốt *Thế giới phẳng* ở nước này và sau đó lan nhanh ra nhiều quốc gia trên thế giới, cũng từ đó

---

<sup>(\*)</sup> GS.TS., Nguyên Viện trưởng Viện Thông tin Khoa học xã hội (1993-2005), nguyên Tổng biên tập *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội* (1994-2005); Email: laivantoan180239@gmail.com

cụm từ “thế giới phẳng” được sử dụng ngày càng rộng rãi trên các phương tiện thông tin và truyền thông.

Thomas L. Friedman là một nhà bình luận các vấn đề quốc tế của tờ *The New York Times*. Do yêu cầu tác nghiệp, ông có mặt ở nhiều nơi trên thế giới, chứng kiến trực tiếp quá trình toàn cầu hóa diễn ra ở nhiều nước khác nhau, phương Tây cũng như phương Đông. Năng lực quan sát, sự mẫn cảm cộng với vốn sống và sự hiểu biết phong phú của một nhà báo từng trải đã giúp ông nắm bắt được thực chất “làm phẳng” của các dấu vết toàn cầu hóa, từ đó khái quát thành cái trạng thái mà ông gọi là “phẳng”, đồng thời đưa ra cách lý giải độc đáo nhưng thực tế về quá trình làm “phẳng” thế giới. Độc đáo vì dựa trên thành quả của công nghệ thông tin; thực tế vì khai thác các dấu vết toàn cầu hóa diễn ra hàng ngày trước mắt mọi người.

Trong *Thế giới phẳng*, Friedman luận giải về hàng loạt biến động diễn ra trong thế giới toàn cầu hóa thế kỷ XXI, đòi hỏi con người phải thay đổi, đổi mới để thích ứng, phát triển.

## 2. Thế giới phẳng: Nhân tố làm phẳng và quá trình làm phẳng thế giới

Phần “Thế giới trở thành phẳng thế nào” gồm 4 chương. Trong *Chương một* “Khi tôi đang ngủ” (Friedman, 2007: 16-79), tác giả cho biết ý tưởng về “thế giới là phẳng” đã đến với ông như thế nào trong chuyến hành trình đến làm việc tại trung tâm công nghệ phần mềm Bangalore (Ấn Độ) và bằng cách nào ông đi đến kết luận rằng thế giới “không còn tròn nữa - mà là phẳng”.

Friedman cho rằng, chính những “dấu hiệu về thế giới phẳng” của toàn cầu hóa mà ông quan sát được trong chuyến đi lịch sử này đã góp phần quan trọng giúp ông đi tới kết luận ban đầu “mang tính phát hiện”, đúng hơn là giả thuyết về “thế giới

là phẳng”; rằng những cuộc hành trình tiếp theo sau đó của ông chỉ còn mang ý nghĩa tìm kiếm thêm những dấu hiệu về thế giới phẳng, khẳng định một cách xác quyết giả thuyết đã đưa ra.

*Chương hai* “Mười nhân tố làm phẳng thế giới” (Friedman, 2007: 80-304) bàn về các “nhân tố làm phẳng” (Flattener) thế giới, các hình thức và công cụ mới tạo điều kiện cho sự cộng tác gắn liền với quá trình làm phẳng thế giới - hình thành nền tảng thế giới phẳng.

*Nhân tố làm phẳng thứ nhất*: “Ngày 9 tháng 11 năm 1989. Kỷ nguyên sáng tạo mới khi các bức tường (Berlin) sụp đổ và phần mềm Windows lên ngôi”. Mở đầu chương sách, Friedman luận giải về ý nghĩa nhiều mặt *tác động làm phẳng thế giới* của sự kiện Bức tường Berlin sụp đổ ngày 09/11/1989; và 6 tháng sau đó là sự lên ngôi của *Phần mềm Window* cùng với việc *máy tính cá nhân* chạy trên phần mềm này, đem lại cho nhiều cá nhân cơ hội tạo ra các nội dung số hóa, theo nghĩa là chuyển các nội dung tạo ra ở những hình thức diễn đạt như lời nói, số liệu, bản đồ, ảnh, âm thanh - âm nhạc, video... thành các đơn vị *bit* và *byte*, sự kết hợp các ký hiệu nhị phân 1 và 0. Kể từ đó con người trở thành tác giả của các sản phẩm số, kiểm soát được thông tin trên màn hình máy tính và điều quan trọng là đã có thể gửi qua *Internet* những thông tin số hóa này đến nhiều người hơn ở nhiều nơi khác nhau trên thế giới, giúp họ kết nối với nhau, làm việc cùng nhau và cộng tác với nhau. Đây cũng là điều chưa từng xảy ra trước đó. Sự phát triển của máy tính cá nhân chạy trên hệ điều hành Windows đã “xóa bỏ một hàng rào vô cùng quan trọng là sự hạn chế về dung lượng thông tin” mà cá nhân có thể tích lũy, kiểm soát và phổ biến. Từ đó, lượng thông tin được truyền đi trên thực tế là vô hạn (Friedman, 2007: 87). Giới

chuyên môn đánh giá cao ý nghĩa cuộc cách mạng làm phẳng mở đầu là sự kiện chính trị Bức tường Berlin sụp đổ và tiếp theo là máy tính cá nhân (Apple, IBM) chạy trên phần mềm Windows, coi đây là *bước đột phá lớn đầu tiên* thúc đẩy quá trình làm phẳng thế giới tiến lên phía trước.

*Nhân tố làm phẳng thứ hai* gồm phát minh ra *Mạng toàn cầu* (WWW hay Web) của Tim Berners-Lee và phát minh ra *Trình duyệt Web* của Marc Andreessen. *Mạng toàn cầu* là hệ thống các siêu văn bản (hypertext) được lưu trữ tại các máy tính trong mạng Internet cho phép người sử dụng có thể truy cập dễ dàng. Năm 1991, Mạng toàn cầu bắt đầu đi vào hoạt động và ngay lập tức tạo ra trật tự và sự rõ ràng thay thế cho sự hỗn loạn của không gian ảo giữa các máy tính được kết nối với nhau. Từ thời điểm này, Web và Internet cùng đồng hành phát triển với tốc độ chóng mặt (Friedman, 2007: 97). *Trình duyệt Web* là trình duyệt đầu tiên cho phép người sử dụng dễ dàng truy cập thông tin trên các trang Web thông qua các siêu liên kết tới các trang Web khác hiện được lưu trữ tại các máy tính trong mạng Internet. *Trình duyệt Web* của Marc Andreessen đã giúp “Internet và Mạng toàn cầu trở nên sống động và trở thành những công cụ (kết nối và cộng tác) rất tiện lợi” (Friedman, 2007: 101). Mạng toàn cầu và *Trình duyệt Web* đã giúp *Internet* (do Vint Cerf và Bob Kahn tạo ra) được phổ cập rộng rãi, mở ra “Kỷ nguyên kết nối mới”, tiếp tục “thúc đẩy mạnh mẽ cuộc cách mạng làm phẳng thế giới tiến về phía trước”.

*Nhân tố làm phẳng thứ ba*: “Phần mềm xử lý công việc” hay còn gọi là “Phần mềm dòng công việc” (Workflow Software). Máy tính cá nhân chạy trên hệ điều hành Windows, như ta thấy, cho phép tạo ra các văn bản, dữ liệu, hình ảnh... số hóa trên

máy tính và gửi qua Internet đến nhiều người ở nhiều nơi khác nhau trên thế giới. Tuy nhiên, cho đến tận nửa đầu những năm 1990, các công việc vẫn chưa được số hóa nên chưa thể được truyền đi qua Internet. Phần mềm xử lý công việc ra đời và định hình vào khoảng nửa cuối những năm 1990, đã đem lại cho nhiều người hơn ở nhiều nơi hơn trên thế giới khả năng cộng tác, tương tác với nhau và làm việc cùng nhau trong một chuỗi công việc của hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lý cũng như hoạt động trí tuệ, v.v... mà trước đây chỉ có thể xử lý theo cách thủ công (Xem: Friedman, 2007: 123).

Xét về ý nghĩa đổi mới và tác động của nó, phần mềm xử lý công việc ra đời và đi vào hoạt động là một bước đột phá tiếp theo thúc đẩy quá trình làm phẳng thế giới tiến lên phía trước<sup>1</sup>. *Phần mềm xử lý công việc* cùng hai nhân tố làm phẳng cơ bản xem xét ở trên đã giúp ngày càng có nhiều việc làm ở mức độ chuyên môn hóa sâu hơn, bao gồm cả những công việc phức tạp được thực hiện ở nhiều nước phát triển khác nhau (C. Mác và Ph. Ăng-ghen, *Toàn tập*, Tập 4, 1995: 401-402) có thể được phổ biến và thực hiện ở nhiều nơi khác nhau, giúp nhiều người trên thế giới có thể tương tác, hợp tác với nhau và làm việc cùng nhau: thế giới được làm phẳng thêm một

<sup>1</sup> Để làm thí dụ, Friedman dẫn ra chuỗi công việc mà xưởng phim hoạt hình của hãng Wild Brain tiến hành trong sản xuất loạt phim *Higglytown Heroes* theo đơn đặt hàng của Disney Channel. Hãng Wild Brain đặt trụ sở chính tại San Francisco là nơi thực hiện công việc thiết kế và đạo diễn; các buổi ghi hình thường do các họa sĩ thực hiện ở New York hoặc ở Los Angeles; các nhà biên kịch kết nối máy tính tại nhiều nơi khác nhau như New York, Florida và tại London (Vương quốc Anh),...; việc tạo hình ảnh động cho các nhân vật được thực hiện ở Bangalore (Ấn Độ); công việc biên tập được thực hiện ở San Francisco.

bước nữa. Friedman gọi sự ra đời và phát triển của phần mềm xử lý công việc là “một cuộc cách mạng thâm lặng”.

Trên đây là ba nhân tố (làm phẳng) cơ bản. Gọi là cơ bản vì chỉ riêng sự tác động bổ sung cho nhau, phối hợp cùng nhau cũng có thể đưa thế giới đến *một nền tảng cơ bản của hệ thống toàn cầu, phục vụ cho hoạt động cộng tác*. Thêm nữa, như Friedman lưu ý, trên nền tảng cơ bản của hệ thống toàn cầu này còn xuất hiện thêm các nhân tố làm phẳng mới, gồm: 1/ Tải lên mạng (Uploading); 2/ Thuê bên ngoài làm (Outsourcing); 3/ Chuyển sản xuất ra bên ngoài (Offshoring); 4/ Chuỗi cung ứng (Supply-Chain); 5/ Sử dụng nhân lực nội bộ để hoàn thành công việc (Insourcing); 6/ Cung cấp thông tin (In-forming); 7/ Các chất xúc tác (The Steroids). Ông cũng gọi các nhân tố làm phẳng này là “các hình thức cộng tác mới” góp phần thúc đẩy quá trình xuất hiện *hệ thống cộng tác mới mang tính toàn cầu*, cho phép nhiều người từ nhiều nơi khác nhau trên thế giới “có thể kết nối và sử dụng (plus and play), hợp tác và cạnh tranh cùng nhau, chia sẻ công việc và tri thức”.

*Chương ba* “Ba sự hội tụ” (Friedman, 2007: 305-347) cho thấy mười nhân tố làm phẳng sau khi được tạo ra và trải qua quá trình rèn giũa... đã hội tụ, liên kết với nhau theo cách bổ sung cho nhau, củng cố lẫn nhau và phối hợp cùng nhau trên quy mô rộng lớn, cùng tác động, đưa thế giới đến một hình thái phẳng hay “nền tảng phẳng”. Hình thái mới - phẳng này nhờ sự hỗ trợ của Mạng toàn cầu (Web) và nhiều công cụ hợp tác khác đã trở thành sân chơi mới kết nối rộng khắp thế giới, mở ra cơ hội cho các cá nhân, cộng đồng và nhóm người ở nhiều nơi kết nối và hợp tác với nhau. Đó là sự hội tụ thứ nhất.

Sự hội tụ thứ hai bắt đầu xảy ra khi có nhiều người được đào tạo về cách thức sử

dụng các công cụ kết nối và biết cách cộng tác theo những hình thức mới để thực hiện quyền tiếp cận với sân chơi toàn cầu<sup>1</sup>. Tại đây họ cộng tác với nhau, tổ chức và quản lý công việc theo cách mới, áp dụng những quy trình mới cùng với hàng loạt thói quen mới để tạo ra năng suất cao hơn. Theo cách như vậy, sân chơi toàn cầu được kết nối, mở rộng hơn - phẳng hơn.

Cuối cùng, sự hội tụ thứ ba diễn ra vào khoảng những năm đầu thế kỷ XXI khi sân chơi toàn cầu đã trở nên rộng hơn và phẳng hơn (do sự hội tụ thứ hai), đưa lại cơ hội cho hơn hai tỷ người chơi mới từng sống trong các nền kinh tế và chính trị khép kín nhưng được đào tạo khá tốt, có khát vọng lớn và khát khao hội nhập vào sân chơi toàn cầu mới. Sự tham gia của đông đảo những người có khát vọng kết nối để hợp tác, sáng tạo trên một sân chơi toàn cầu hứa hẹn tạo ra và đưa lại cho sân chơi toàn cầu một diện mạo rất mới về mọi phương diện và mọi chiều cạnh.

Dễ dàng nhận ra rằng tác động của *Bộ ba hội tụ* là sự cụ thể hóa quan niệm của Friedman về làm phẳng thế giới do sức mạnh của công nghệ mà ông gọi là nhân tố làm phẳng hay do “dòng chảy công nghệ và tư bản” mà Marx đã nói đến ngay từ thời ông. Đây không chỉ là quá trình phá hủy (loại bỏ các rào cản - ma sát gây trở ngại), mà chủ yếu là tạo dựng, sáng tạo cái

<sup>1</sup> Friedman (2005: 309) nhấn mạnh, “*thế giới đang được làm phẳng*” thì không có nghĩa là tất cả mọi người “*đều bình đẳng, đều có thể tiếp cận được với nền tảng phẳng này, với sân chơi toàn cầu mới này*”, mà ông “*chỉ muốn nói rằng hơn bao giờ hết có nhiều người hơn ở nhiều nơi hơn có quyền tiếp cận với nền tảng thế giới phẳng để liên kết, phối hợp, cạnh tranh...*” (Nhưng để thực hiện “quyền tiếp cận” đó, theo Friedman, con người cần phải được đào tạo theo một chương trình giáo dục phù hợp về kỹ năng, tri thức cần thiết cho việc kết nối với nền tảng phẳng).

mới. Đó là “quá trình phá hủy mang tính sáng tạo” đưa đến sự hình thành “hệ thống sản xuất và tiêu thụ toàn cầu” (như Marx và Engels đã nói trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*) hay là “sân chơi toàn cầu mới”, kết nối sâu rộng thế giới toàn cầu hóa thế kỷ XXI. Tham gia sân chơi toàn cầu mới này đòi hỏi các cá nhân, các công ty và quốc gia kết nối, cộng tác và cạnh tranh với nhau theo những nguyên tắc mới, thực hiện những quy trình mới cùng với hàng loạt thói quen mới nhằm nâng cao năng suất, tranh thủ các cơ hội mới cùng nhau chia sẻ “chiếc bánh toàn cầu” do nền tảng thế giới phẳng tạo ra. Friedman gọi đây là sự kiện lớn nhất, phức tạp nhất và cũng là “kỳ lạ nhất” chưa từng có từ trước đến nay trên thế giới.

Ở *Chương bốn* “Sự sắp xếp vĩ đại” (Friedman, 2007: 348-384), Friedman (2007: 353) lập luận rằng, áp lực gia tăng của quá trình làm phẳng thế giới đòi dỡ bỏ các loại rào cản đã tạo ra những thách thức to lớn đối với các quốc gia dân tộc và các nền văn hóa, các giá trị và bản sắc dân tộc, các truyền thống dân chủ cùng với những mối ràng buộc lâu nay “từng bảo vệ và xoa dịu người lao động và các cộng đồng”. Do vậy, các chủ thể xã hội, trước hết là các quốc gia, buộc phải thay đổi mọi thứ mà ông gọi là “sự sắp xếp vĩ đại” - thực chất là “giữ lại cái gì và vứt bỏ cái gì”. Đó chính là đổi mới để thích ứng, phát triển trong thế giới kết nối và hợp tác ngày nay. Những câu chuyện được tác giả dẫn ra nhằm lý giải “sự sắp xếp vĩ đại” cho thấy các nước, các công ty và cả các cá nhân, v.v... phải “sắp xếp” như thế nào khi đối mặt với “chủ nghĩa phẳng”, tức là với quá trình thế giới trở nên phẳng trong thế kỷ XXI.

Trong phần “Mỹ và thế giới phẳng” (gồm 4 chương), chẳng hạn, Friedman dựa trên quan niệm cho rằng người Mỹ luôn tin vào giá trị của thương mại tự do, rằng

thương mại tự do vẫn còn đúng trong thế giới phẳng, từ đó cho rằng: Khi phải đối mặt với thách thức của quá trình thế giới trở nên phẳng, đối với người Mỹ, “sự sắp xếp vĩ đại” xét trên toàn cục có nghĩa là tuân theo các nguyên tắc thương mại tự do chứ không phải dựng lên các bức tường ngăn chặn kiểu chủ nghĩa bảo hộ; rằng làm như vậy người Mỹ sẽ được lợi nhiều hơn.

Trong phần “Các nước đang phát triển và thế giới phẳng” (gồm 1 chương), Friedman cho rằng khi phải đối mặt với quá trình thế giới trở nên phẳng, các nước đang phát triển cần lựa chọn và thực hiện các chính sách đổi mới nhằm tạo ra môi trường thuận lợi để các công ty và doanh nghiệp có thể thịnh vượng được trong thế giới phẳng. Định hướng theo yêu cầu này, ở các nước đang phát triển, theo Friedman, ngoài *đổi mới trên phạm vi rộng* còn phải *đổi mới theo chiều sâu*. Tức là, ngoài hướng về xuất khẩu, nhất thiết và chủ yếu còn phải tập trung vào những lĩnh vực được coi là “điều kiện cơ bản” của mỗi quốc gia, nhằm tạo ra xung lực mới để tận dụng các cơ hội, khai thác các nguồn lực và tiềm năng phát triển toàn cầu mà quá trình thế giới phẳng tạo ra (Friedman, 2007: 484).

Trong phần “Các công ty và thế giới phẳng” (gồm 1 chương), Friedman phân tích việc các công ty phải “đổi phó như thế nào”, làm những gì và thích ứng ra sao khi đi vào thế giới phẳng; đồng thời chỉ ra rằng các công ty “làm ăn phát đạt” chính là những công ty “luôn ở trong tư thế thay đổi”, sẵn sàng đổi mới và liên tục đổi mới.

Cuối sách là các phần “Địa chính trị và thế giới phẳng” (gồm 2 chương) và “Kết luận: Sức tưởng tượng” (gồm 1 chương).

Cho dù còn có một số vấn đề cần trao đổi, nhưng không thể phủ nhận được sức cuốn hút mạnh mẽ của cuốn *Thế giới phẳng* đối với đông đảo độc giả. Cuốn sách

gây ra cơn sốt *Thế giới phẳng* ở Mỹ và sau đó là nhiều nước khác trên thế giới. Người đọc không thể không cùng tác giả suy nghĩ về những vấn đề đặt ra trong cuốn sách. Mỗi người suy nghĩ theo một cách riêng, có thể đồng ý hay không đồng ý với tác giả về điểm này, điểm nọ, nhưng hẳn đều có chung cảm nhận với ông về sự thay đổi lớn đang xảy ra trên thế giới vào những năm cuối thế kỷ XX - đầu thế kỷ XXI, với những trải trở của ông qua các chương mục cuốn sách về vấn đề có tính phổ biến trên hành tinh phẳng *sắp xếp lại mọi thứ* như thế nào để thích ứng, tồn tại và phát triển trong thế giới phẳng.

### 3. Thế giới phẳng: Đổi mới và đổi mới tư duy

Hiện tượng thế giới trở nên phẳng không phải là mới mẻ. Chủ nghĩa tư bản ra đời làm phân rã chế độ cát cứ kiểu phong kiến và sự phát triển của nó gắn liền với quá trình xâm lấn, bành trướng của thực dân, đã mở ra thị trường thế giới và tiêu thụ toàn cầu. Trong một lần trò chuyện với Friedman, giáo sư chính trị học Michael J. Sandel của Đại học Harvard đã nhận xét: *Quá trình làm phẳng thế giới* được mô tả trong *Thế giới phẳng* “thực ra đã được Karl Marx và Friedrich Engels đưa ra lần đầu tiên trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* xuất bản năm 1848”; rằng tuy có sự khác biệt về mức độ so với những gì Marx đã chứng kiến ở thời mình, nhưng quá trình làm phẳng thế giới ngày nay cũng là một phần của xu hướng lịch sử tương tự mà Marx đề cập đến trong những công trình nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản (Xem: C. Mác và Ph. Ăng-ghen, *Toàn tập*, Tập 4, 1995). Đó là “dòng chảy của công nghệ và tư bản” mà không sức mạnh nào có thể ngăn cản được: nó loại bỏ “mọi rào cản, biên giới, trở lực và bó buộc đối với thương mại toàn cầu”, đưa đến “một hệ thống

sản xuất và tiêu thụ toàn cầu”. Friedman (2007) đồng thời còn nhấn mạnh: K. Marx là một trong những người đầu tiên nhìn thấy khả năng thế giới trở thành thị trường toàn cầu không bị hạn chế bởi các đường biên giới quốc gia. Theo ông: “Quả thực, giờ đọc lại *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, tôi kinh ngạc trước sự mô tả chi tiết và sâu sắc của Marx về các nhân tố làm phẳng thế giới vào thời kỳ hưng thịnh của Cách mạng công nghiệp<sup>1</sup> cũng như khả năng dự đoán siêu phàm của Marx về việc các lực lượng này sẽ tiếp tục làm phẳng thế giới cho đến tận ngày nay” (Friedman, 2007: 349-352). Cố nhiên, trong thế giới toàn cầu hóa ngày nay, “dòng chảy của công nghệ và tư bản” đã mạnh lên gấp bội, nó cho phép “loài người bắt đầu kết nối tất cả các lĩnh vực, tất cả các quá trình, tất cả các sự kiện và khái niệm thành một hệ thống khổng lồ” và “từ nền tảng mạng lưới trí tuệ phiêu thai khổng lồ này đã ra đời một nền tảng hợp tác cho nền văn minh chúng ta” (Friedman, 2007: 311).

Trong thế giới toàn cầu hóa thế kỷ XXI, quá trình làm phẳng (“phá hủy mang tính sáng tạo”) này buộc các chủ thể xã hội phải thay đổi mọi thứ, tự thay đổi nhận thức, đổi mới tư duy và hành động nhằm tranh thủ các cơ hội, tận dụng các nguồn lực, tiềm năng phát triển toàn cầu và vượt qua thách thức do thế giới phẳng đưa lại để thích ứng, tồn tại, phát triển. Đây là đòi hỏi khách quan của đổi mới thời thế giới phẳng. Nhưng nền tảng thế giới phẳng không chỉ gây áp lực đòi hỏi đổi mới mà còn tạo ra môi trường đổi mới ở khắp nơi trên thế giới toàn cầu hóa ngày nay. Sự thực, trong bất kỳ lĩnh vực nào, ở đâu có kết nối - được làm phẳng - thì ở đó, trong lĩnh vực đó có đổi mới sáng tạo. Lĩnh vực

<sup>1</sup> tức Cách mạng Công nghiệp lần thứ nhất.

tài chính - ngân hàng thực hiện kết nối rất sớm cũng là nơi đổi mới sớm nhất và hiện được xem là một trong những lĩnh vực có tốc độ đổi mới sáng tạo mạnh mẽ trên thế giới ngày nay.

Nhiều công trình khoa học xuất bản gần đây đã lưu ý đến động thái đổi mới do tác động thúc đẩy mạnh mẽ của quá trình “phá hủy mang tính sáng tạo”. Trong cuốn *Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư*, Klaus Schwab khẳng định: Cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư ra đời đầu thế kỷ XXI đang làm dấy lên trên thế giới ngày nay những làn sóng đổi mới đa dạng mang tính khách quan - từ đổi mới công nghệ và cách thức sử dụng công nghệ đến đổi mới lĩnh vực kinh doanh, đổi mới trên thị trường việc làm và điều quan trọng là đổi mới về chính sách, luật lệ và quản trị của các chính phủ, tạo nền tảng vững chắc cho hệ sinh thái đổi mới, nuôi dưỡng và phát triển hoạt động đổi mới sáng tạo thời thế giới phẳng (Xem: Schwab, 2018: 122-125). Trên thế giới ngày nay, các quốc gia, công ty giành được lợi thế cạnh tranh chính là những quốc gia, công ty thường xuyên đổi mới, quan tâm và thực hiện chiến lược đổi mới sáng tạo.

Quá trình thế giới trở nên phẳng kết nối sâu rộng do sự thúc đẩy trước hết của công nghệ thông tin cho thấy *sự lên ngôi, vị thế và quyền lực của thông tin* trong đời sống xã hội toàn cầu, đồng thời minh chứng về sự gia tăng khả năng “tự đầu tư, đổi mới bản thân về mọi mặt” của con người ngày nay (Friedman, 2007: 259): từ tiếp cận thông tin đến phổ biến kịp thời các kinh nghiệm và thành tựu đổi mới thời thế giới phẳng. Schwab (2018: 11) viết: “Hãy nghĩ đến vô số khả năng cho phép hàng tỷ con người kết nối với nhau bằng các thiết bị di động, tạo nên sức mạnh xử lý, năng lực lưu trữ và cơ hội tiếp cận tri thức chưa từng

có”. Đây cũng là nét đặc trưng của đổi mới thời thế giới phẳng.

Đổi mới là sáng tạo. Không sáng tạo cái mới không phải là đổi mới. Tuy nhiên, sáng tạo cái mới không dễ dàng, và cũng là khó khăn vốn có của mọi đổi mới sáng tạo, bắt đầu từ *đổi mới sáng tạo về tư duy*.

Giống như phát triển, đổi mới diễn ra trong một môi trường xác định. Nhưng khác với phát triển, đổi mới *chỉ diễn ra trong điều kiện xã hội*. Một cách khái quát, đổi mới dù diễn ra ở đâu, trong bất kỳ lĩnh vực nào bao giờ cũng là hoạt động của con người, bắt đầu từ việc con người tự đổi mới bản thân: từ đổi mới tư duy nhận thức đến thay đổi hành động. Đổi mới được con người thực hiện theo sự dẫn dắt, điều chỉnh của tư duy nhận thức và trên cơ sở am hiểu tình hình thực tiễn. Đó là quá trình con người thực hiện mục tiêu đổi mới đề ra. Có đổi mới và đổi mới tư duy là vì thực tiễn đòi hỏi đổi mới, đổi mới nào cũng theo yêu cầu của thực tiễn. Tuy nhiên, nhận thức được yêu cầu đổi mới, phát triển của thực tiễn không phải dễ dàng. Tương tự như tư duy, đổi mới tư duy cũng khởi phát từ thực tiễn, dựa trên cơ sở thực tiễn, do thực tiễn gợi mở, căn chỉnh để hướng đến mục tiêu phát triển lợi ích của con người trong thực tiễn. Nghiên cứu thực tiễn, am hiểu tình hình thực tế, nắm bắt yêu cầu khách quan về đổi mới của thực tiễn - đó là đòi hỏi và cũng là khó khăn của mọi đổi mới sáng tạo bắt đầu từ đổi mới tư duy. Trước hết phải đề ra được ý tưởng mới và chuyển ý tưởng mới đó thành chiến lược đổi mới. Đây là kết quả sáng tạo dựa trên cơ sở một vốn tri thức nhiều mặt và cả sự am hiểu cần thiết về tình hình thực tiễn và không kém phần quan trọng là phải có phương pháp tiếp cận khoa học cho phép nắm bắt được những gợi mở, động thái chuyển động của

thực tiễn, trên cơ sở đó phát hiện và đưa vào chiến lược, chương trình đổi mới. Chỉ có như vậy mới giải quyết được những vấn đề mà thực tiễn đòi hỏi.

Tư duy trong *đổi mới tư duy* là nhận thức theo các quy luật và hình thức của sự phản ánh trừu tượng, khái quát về thế giới; là nhận thức lý tính đưa lại cho con người những hiểu biết khác nhau như ý tưởng, khái niệm, quan niệm, những học thuyết, lý thuyết khoa học, bao gồm cả những chủ trương, đường lối, chính sách, v.v... Vì vậy, đề hiệu về đổi mới tư duy, trước hết cần làm rõ đó là đổi mới phương diện - yếu tố nào của hiện tượng tinh thần có nội hàm phong phú là tư duy, đó là đổi mới nội dung tư duy - đổi mới quan niệm hay đổi mới phương pháp tư duy, cách thức nhìn nhận, đánh giá. Tiếc rằng vấn đề này còn ít được quan tâm và thường bị bỏ qua trong những cuộc bàn thảo, trao đổi hay nghiên cứu về đổi mới tư duy.

Cần phải nói thêm rằng, tư duy nhận thức là để hành động. Tương tự, đổi mới tư duy không có mục đích tự thân mà là để đổi mới sáng tạo trong thực tiễn. Đổi mới tư duy là bước khởi đầu quan trọng rất cần thiết để đổi mới sáng tạo trong thực tiễn. Chưa đổi mới tư duy, chưa thể đổi mới sáng tạo. Đổi mới tư duy cần nhưng chưa đủ. Để đổi mới sáng tạo trong thực tiễn, tư duy mới (do đổi mới tư duy tạo ra) còn phải được tiếp nhận<sup>1</sup> và đưa vào thực hiện trong

đời sống. Đây là cả một quá trình sáng tạo và cũng rất khó khăn do lực cản của tư duy nhận thức lạc hậu và do sự chống đối của các thế lực bảo thủ trong xã hội. Cho nên, cần huy động không chỉ vốn tri thức khoa học nhiều mặt mà còn cả nghệ thuật vận động quần chúng và tài nghệ tổ chức, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Chủ nghĩa giáo điều máy móc và chủ nghĩa kinh nghiệm đều không có tác dụng, chưa nói là có hại. Chân lý là cụ thể, đổi mới là sáng tạo. Chỉ có *sáng tạo và sáng tạo không ngừng* trong những điều kiện cụ thể mới có thể chuyển hóa được tư duy mới thành phong trào thực tiễn đổi mới sáng tạo.

Từ nửa cuối những năm 1960, nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ ở châu Á (Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore...) đã tiến hành đổi mới - cải cách kinh tế vĩ mô theo hướng thị trường tự do, hướng về xuất khẩu, mở cửa hội nhập quốc tế nhằm thu hút thương mại và đầu tư nước ngoài để phát triển đất nước. Từ tháng 12/1978, Trung Quốc tiến hành cải cách mở cửa hội nhập quốc tế, tận dụng các nguồn lực bên ngoài để khắc phục tình trạng mất ổn định về kinh tế - xã hội kéo dài từ năm 1959 đến năm 1978. Đó là *đổi mới trên diện rộng*.

Đối với Việt Nam, trong bối cảnh bị tàn phá nặng nề sau chiến tranh, lại lâm vào khủng hoảng trầm trọng và bị bao vây, cấm vận..., đổi mới trở thành đòi hỏi sống còn. Với phương châm *nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật*,

<sup>1</sup> Trong lịch sử Việt Nam, vào khoảng giữa thế kỷ XIX, trước nguy cơ đất nước bị thực dân Pháp xâm chiếm làm thuộc địa, Nguyễn Trường Tộ đã đưa ra những điều trần cụ thể đầy tâm huyết về cải cách toàn diện đất nước trên các phương diện kinh tế, chính trị, ngoại giao, quốc phòng, văn hóa-xã hội, nhằm canh tân - phát triển đất nước, nhưng đã không được triều đình vua Tự Đức chấp nhận. Đất nước đã bỏ qua một cơ hội lịch sử để phát triển ít ra theo phương hướng những điều trần mà Nguyễn Trường Tộ đề ra; và như lịch sử cho thấy, nước ta đã không tránh khỏi rơi vào

vị thế thuộc địa của thực dân Pháp. Trong khi đó, một nước Viễn Đông khác là Nhật Bản cũng ở trong hoàn cảnh lịch sử tương tự, đứng trước nguy cơ bị chủ nghĩa thực dân phương Tây Anh, Mỹ toan tính chinh phục. Những hoạt động cải cách "duy tân" đất nước của Thiên Hoàng Minh Trị được thực hiện, đã cứu vãn được Nhật Bản thoát khỏi hiểm họa trở thành thuộc địa của chủ nghĩa thực dân phương Tây và đã có được vị thế một nước phát triển hàng đầu ở châu Á hiện nay.

tại Đại hội VI (năm 1986) Đảng Cộng sản Việt Nam không phủ nhận những khó khăn do chiến tranh gây ra, đồng thời cũng chỉ ra những nguyên nhân chủ quan trước hết là sự lạc hậu về nhận thức lý luận với những quan niệm giáo điều, lối thời và hình thành trên cơ sở đó những cách nhìn nhận, đánh giá sai lệch, cùng với khuynh hướng chủ quan trong hành động đã khiến Đảng đưa ra “những quyết định sai lầm nghiêm trọng kéo dài về chủ trương và chính sách lớn, về chiến lược và chỉ đạo thực hiện”, đưa đất nước đến khủng hoảng trầm trọng kéo dài. Trong bối cảnh đất nước như vậy, đổi mới tư duy (trước hết là đổi mới tư duy kinh tế) đã tạo ra bước phát triển đột phá đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng và tiếp tục phát triển. Tại Đại hội VI, Đảng ta khẳng định: Đổi mới tư duy trong mọi lĩnh vực hoạt động của Đảng và Nhà nước ta là việc làm cấp bách, đồng thời là việc thường xuyên, lâu dài (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2023).

Từ sau Đại hội VI, đổi mới và đổi mới tư duy đi vào chương trình nghị sự các Đại hội tiếp theo của Đảng như một nguyên tắc tư tưởng chỉ đạo mọi hoạt động của Đảng và Nhà nước ta, trở thành sức mạnh văn hóa mới đưa đất nước phát triển như hiện nay.

Phân tích thực tiễn 25 năm đổi mới cho thấy, đất nước mặc dù đã thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội (1996) và nền kinh tế bắt đầu vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hội nhập quốc tế, ít nhiều đã khởi sắc nhưng chưa bền vững, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp, thể chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn còn những hạn chế... tất cả kìm hãm phát triển cần phải được khắc phục kịp thời. Vì vậy, Đại hội XI (2011) và Đại hội XII (2016) chủ trương tiếp tục đổi mới và đẩy mạnh đổi mới, tập trung vào ba lĩnh vực cơ bản: *một*

*là về thể chế - hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; hai là về nguồn nhân lực - phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao có đủ năng lực sáng tạo, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển khoa học và công nghệ; ba là về kết cấu hạ tầng, cần xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.*

Đảng ta gọi đây là ba khâu đột phá vì một khi được thực hiện có hiệu quả, những đột phá này sẽ mở đường phát triển cho các lĩnh vực khác, thúc đẩy đất nước phát triển bền vững. Đó chính là *đổi mới theo chiều sâu*.

Thực tiễn đổi mới của đất nước giai đoạn tiếp theo cũng chỉ ra những hạn chế, yếu kém của quá trình thực hiện ba đột phá chiến lược do Đại hội XI và Đại hội XII đưa ra. Do vậy, Đại hội XIII (2021) cho rằng, trong quá trình thực hiện hệ thống các nhiệm vụ và giải pháp đề ra, cần huy động, đầu tư nguồn lực và đặc biệt chú trọng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, nhằm tạo sự chuyển biến về chất trong thực hiện ba đột phá chiến lược do Đại hội XI và Đại hội XII đề ra, đồng thời bổ sung, cụ thể hóa cho phù hợp với giai đoạn phát triển mới.

Ba đột phá được Đại hội XIII cụ thể hóa, đó là (Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021):

*Hoàn thiện thể chế phát triển*, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại. Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; huy động, quản lý và sử

dụng mọi nguồn lực cho phát triển, nhất là đất đai, tài chính, hợp tác công-tư...

*Phát triển nguồn nhân lực*, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với tuyển dụng, sử dụng đội ngũ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo...

*Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại*, ưu tiên phát triển một số công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyên đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.

Như vậy, công cuộc đổi mới gần trọn 40 năm qua ở Việt Nam trải qua hai hình thức đổi mới: đổi mới mở cửa hội nhập hợp tác quốc tế ngày càng sâu rộng<sup>1</sup> và sau đó là đổi mới theo chiều sâu, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

Hình thức đổi mới theo chiều sâu không loại bỏ mà ngược lại nhằm giải quyết những vấn đề mới mà đổi mới trên diện rộng chưa đủ. Hai hình thức đổi mới trên diện rộng và theo chiều sâu đều nhằm giải quyết bài toán phát triển đất nước. Sự khác biệt chỉ là ở chỗ đổi mới trên diện rộng thực hiện theo hướng mở cửa hội nhập quốc tế, thu hút thương mại và đầu tư nước ngoài, tạo nguồn lực để phát triển đất nước; còn đổi mới theo chiều sâu lại hướng vào các lĩnh vực rất cơ bản vốn có của đất nước là thể chế, nguồn nhân lực và kết cấu hạ tầng, tạo nguồn lực nội tại cho phát triển.

<sup>1</sup> Tính đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối tác, hợp tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện với tất cả các cường quốc trên thế giới và trong khu vực.

Những khảo sát nghiên cứu của Công ty Tài chính Quốc tế (IFC) thuộc Ngân hàng Thế giới về tình hình phát triển tại nhiều quốc gia trên thế giới (Mỹ Latinh, châu Phi, Ả rập...) cũng chỉ ra sự cần thiết tất yếu của hình thức đổi mới theo chiều sâu nhằm giải quyết nhiều vấn đề mới mẻ trong thế giới toàn cầu hóa thế kỷ XXI mà đổi mới trên diện rộng không giải quyết được (Xem: Friedman, 2007: 584).

#### 4. Thay lời kết

Đổi mới theo chiều sâu là hình thức đổi mới đặc trưng thời thế giới phẳng mà các quốc gia đang phát triển cũng như phát triển đều phải thực hiện để phát triển và tiếp tục phát triển phồn vinh trong thế giới toàn cầu hóa ngày nay. Công cuộc đổi mới ở Việt Nam cho thấy đổi mới theo chiều sâu xuất hiện như một tất yếu từ trong quá trình tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới. Hình thức đổi mới này ra đời sau khi đổi mới trên diện rộng được thực hiện, nhằm giải quyết yêu cầu phát triển tiếp theo của đất nước □

#### Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2023), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Phần I (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. C. Mác và Ph. Ăng-ghen, *Toàn tập*, Tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995.
4. Friedman, Thomas L. (2007), *Thế giới phẳng. Tóm lược lịch sử thế giới thế kỷ 21*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Schwab, Klaus (2018), *Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.